**USE CASE “pay rental”**

## Use Case code

UC004

## Brief Description

Use case mô tả mối quan hệ giữa người dùng và hệ thống khi người dùng trả tiền xe khi sử dụng.

## Actors

User,Interbank

## Preconditions

Người dùng đã mượn xe trước đó .

## Basic flow of events

Step 1: Phần mềm hiển thị màn hình thanh toán

Step 2: người dùng điền thông tin thẻ

Step 3: Phần mềm kiểm tra thông tin thẻ

Step 4: Phần mềm yêu cầu ngân hàng lệnh thanh toán

Step 5: Phần mềm lưu giao dịch thanh toán

## 

## Alternative flows

*Các luồng sự kiện thay thế cho UC pay rental*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Point | Condition | Action | Resume Point |
| 1 | At Step 2 | nếu sai định dạng | Phần mềm thông báo đã nhập sai định dạng xin nhập lại | At Step 2 |
| 2 | At Step 3 | Nếu thông tin tài khoản sai | Phần mềm thông báo thẻ không hợp lệ | At Step 1 |
| 3 | At Step 4 | Nếu tiền không đủ | Thông báo số dư không đủ | At Step 1 |

## Input data

## 

*Input của trả tiền thuê xe*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data field | Description | Required | Valid condition | Example |
| 1 | Tên chủ thẻ | Thông tin chủ thẻ | yes |  | TRINH QUOC CONG |
| 2 | Số Thẻ |  | yes | dãy thẻ gồm 16 số | 1234 5678 9012 3456 |
| 3 | Ngày hết hạn |  |  | chỉ có tháng và 2 số cuối của năm | 12/25 |
| 3 | Mật khẩu |  | yes |  | \*\*\*\*\*\*\*\* |

## Output Data

## Post conditions